

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KỲ II- NH 2023-2024
MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT -KHỐI LỚP 11

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Bài 10. QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRƯỚC PHÁP LUẬT

Câu 1. “Mọi công dân, không phân biệt nam, nữ thuộc các dân tộc, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau đều không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật”. Quyền nào của công dân được đề cập đến trong khái niệm trên?

- A. Quyền bình đẳng của công dân trước nhà nước và xã hội.
- B. Quyền bình đẳng của công dân trước nhà nước và pháp luật.
- C. Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.
- D. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.

Câu 2. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định mọi người đều

- A. bình đẳng về quyền lợi.
- B. bình đẳng trước pháp luật.
- C. bình đẳng trước Nhà nước.
- D. bình đẳng về nghĩa vụ.

Câu 3. Bình đẳng trước pháp luật có nghĩa là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước

- A. nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật.
- B. gia đình theo quy định của dòng họ.
- C. tổ chức, đoàn thể theo quy định của Điều lệ.
- D. tổ dân phố theo quy định của xã, phường.

Câu 4. Bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm

- A. liên đới.
- B. hòa giải.
- C. pháp lý.
- D. điều tra.

Câu 5. Mọi công dân đều bình đẳng về hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- B. Công dân bình đẳng trước pháp luật.
- C. Công dân bình đẳng trước xã hội.
- D. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.

Câu 6. Trong cùng một hoàn cảnh, người có chức vụ và người lao động vi phạm pháp luật với tính chất, mức độ vi phạm như nhau thì người có chức vụ phải chịu trách nhiệm pháp lý như thế nào?

- A. Nặng hơn người lao động.
- B. Nhẹ hơn người lao động.
- C. Có thể khác nhau.
- D. Như người lao động.

Câu 7. Phát biểu nào dưới đây là không đúng khi nói về việc hưởng quyền và làm nghĩa vụ của công dân trước pháp luật?

- A. Công dân chỉ được bình đẳng về quyền và nghĩa vụ khi đã đủ tuổi trưởng thành.
- B. Quyền của công dân không tách rời các nghĩa vụ của công dân.
- C. Mức độ sử dụng quyền và thực hiện nghĩa vụ của mỗi người không giống nhau.
- D. Trong cùng điều kiện, công dân được hưởng quyền và làm nghĩa vụ như nhau.

Câu 8. Trường hợp nào dưới đây thể hiện công dân bình đẳng về hưởng quyền?

- A. Giữ gìn bí mật quốc gia.
- B. Chấp hành quy tắc công cộng.

C. Tiếp cận các giá trị văn hóa.

D. Giữ gìn an ninh trật tự.

Câu 9. Bình đẳng về nghĩa vụ trước pháp luật có nghĩa là mọi doanh nghiệp đều phải

A. kinh doanh đúng ngành, nghề đăng kí.

B. sử dụng các dịch vụ bảo hiểm.

C. tuyển dụng chuyên gia cao cấp.

D. nhập khẩu nguyên liệu tự nhiên.

Câu 10. Hành vi nào dưới đây không vi phạm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật?

A. Nhà nước có chính sách miễn giảm học phí đối với học sinh là người dân tộc thiểu số.

B. Trường tiểu học X từ chối nhận học sinh C vì lý do em C là người khuyết tật.

C. Công ty M buộc chị K thôi việc trong thời gian đang nuôi con tám tháng tuổi.

D. Dù vượt đèn đỏ, nhưng anh K không bị xử phạt vì anh là con chủ tịch UBND Tỉnh H.

Câu 11. Ở Việt Nam mọi công dân nam khi đủ 17 tuổi phải đăng ký nghĩa vụ quân sự là thể hiện công dân bình đẳng trong việc

A. thực hiện quyền.

C. thực hiện nghĩa vụ.

B. chịu trách nhiệm pháp lý.

D. chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Câu 12. Năm nay Q, P và K đều đủ 17 tuổi, đều thuộc diện đăng kí nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự. Q và P đã thực hiện xong việc đăng kí, còn K thì không tới đăng kí cho rằng bố của K là nhà kinh doanh thành đạt, đã nộp nhiều tiền thuế cho Nhà nước, nên K được miễn đăng kí tham gia nghĩa vụ quân sự. Chủ thể nào trong tình huống đã thực hiện đúng quy định công dân bình đẳng về nghĩa vụ trước pháp luật?

A. Q và P.

C. K và P.

B. Q và K.

D. Q, P và K.

Câu 13. Tại một ngã tư giao thông, ông M (nhân viên) và ông N (thủ trưởng) cùng làm tại một cơ quan, do mãi nói chuyện, không chú ý nên cả hai ông đều điều khiển xe máy vượt đèn đỏ nhưng không gây tai nạn giao thông. Theo quy định của pháp luật, việc xử lí vi phạm của hai ông A và B sẽ diễn ra theo hướng nào?

A. Ông N bị xử phạt hành chính nặng hơn do chức vụ cao hơn.

B. Ông M bị xử phạt hành chính nặng hơn do cấp bậc thấp hơn.

C. Ông N là thủ trưởng nên không bị xử phạt vi phạm hành chính.

D. Cả hai ông M và N đều bị xử phạt hành chính như nhau.

Bài 11. BÌNH ĐẲNG GIỚI

Câu 14. Nam, nữ bình đẳng trong việc quản lý doanh nghiệp. Đó là quy định pháp luật về bình đẳng giới trên lĩnh vực nào?

A. Kinh tế.

C. Văn hóa.

B. Chính trị.

D. Giáo dục.

Câu 15. Một trong những quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế là nam, nữ bình đẳng trong việc

A. tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo.

B. thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất.

C. tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử Đại biểu Quốc hội.

D. tiếp cận các khoá đào tạo về khoa học và công nghệ.

Câu 16. Nam, nữ bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân. Đó là quy định pháp luật về bình đẳng giới trên lĩnh vực nào?

A. Chính trị.

C. Hôn nhân và gia đình.

B. Kinh tế.

D. Văn hóa và giáo dục.

Câu 17. Một trong những quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị là nam, nữ bình đẳng trong

A. tiếp cận các cơ hội việc làm.

B. tiến hành hoạt động sản xuất.

C. tham gia quản lý nhà nước.

D. lựa chọn nghề nghiệp.

Câu 18. Một trong những quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực gia đình là vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

A. kế hoạch hóa gia đình.

C. che giấu hành vi bạo lực.

B. bài trừ quyền tự do tín ngưỡng

D. ngăn cản mọi nghi lễ tôn giáo.

Câu 19. Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo. Đó là quy định pháp luật về bình đẳng giới trên lĩnh vực nào?

A. Chính trị và xã hội.

C. Hôn nhân và gia đình.

B. Khoa học và công nghệ.

D. Giáo dục và đào tạo.

Câu 20. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng. Đó là quy định pháp luật về bình đẳng giới trên lĩnh vực nào?

A. Lao động.

C. Văn hóa.

B. Chính trị.

D. Giáo dục.

Câu 21. Lao động nam và lao động nữ được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc. Đó là quy định pháp luật về bình đẳng giới trên lĩnh vực nào?

A. Chính trị.

C. Văn hóa.

B. Lao động.

D. Giáo dục.

Câu 22. Trường mầm non dân lập B có nhu cầu mở rộng quy mô đào tạo, tăng thêm số lớp trong trường. Để đáp ứng nhu cầu này, nhà trường đã thông báo tuyển dụng thêm giáo viên. Đọc được thông báo, anh Q và chị M cùng nộp hồ sơ dự tuyển vào vị trí giáo viên mầm non của trường B. Tuy nhiên, bà K (hiệu trưởng) đã từ chối hồ sơ của anh Q với lý do nghề này chỉ phù hợp với nữ giới. Chủ thể nào trong tình huống đã vi phạm quy định pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động?

A. Bà K.

C. Chị M.

B. Anh Q.

D. Bà K và chị M.

Câu 23. Anh V và chị T tự ứng cử đại biểu HĐND cấp xã. Biết được thông tin này, ông N (cán bộ xã Y) rất bức xúc. Ông N cho rằng: chị T là phụ nữ, không có đủ trình độ và năng lực để trở thành đại biểu HĐND, do đó, ông N đã nhiều lần tung tin đồn thất thiệt, làm ảnh hưởng đến uy tín và danh dự của chị T. Trong tình huống trên, chủ thể nào không vi phạm quy định pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị?

A. Ông N, anh V và chị T.

C. Chị T và anh V.

B. Anh V và ông N.

D. Ông N và chị T.

Câu 24. Anh K và chị P là nhân viên của ông ty X. Hai người đều là những nhân viên có chuyên môn tốt, thái độ làm việc chăm chỉ và có tinh thần cầu tiến. Nhận thấy những phẩm chất tốt của anh K và chị P nên anh C (trưởng phòng nhân sự) đã đề cử hai nhân viên này tham gia khóa đào tạo về chuyển đổi số trong lĩnh vực khoa học môi trường tại nước ngoài. Biết được tin này, anh K và chị P rất vui và thể hiện nguyện vọng sẵn sàng tham gia khóa đào tạo. Tuy nhiên, khi danh sách đề cử được chuyển tới ông S (giám đốc công ty), ông S đã gạch tên chị P vì ông cho rằng: lĩnh vực này có nhiều thách thức, tính cạnh tranh cao nên không phù hợp với nữ giới. Chủ thể nào đã vi phạm quy định pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo?

A. Ông S.

C. Chị P.

B. Anh K.

D. Anh C.

Câu 25. Vợ chồng anh T, chị K đã có 2 con gái. Do không ép được chị K sinh thêm con thứ 3 với hi vọng có được con trai để “nối dõi tông đường”, anh T đã thường xuyên mắng nhiếc, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị K. Bức xúc với hành vi bạo lực tinh thần của chồng, chị K bí mật rút tiền tiết kiệm của 2 vợ chồng và thu xếp hành lý, đưa các con bỏ trốn. Chủ thể nào trong tình huống đã vi phạm quy định pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình?

A. Cả anh T và chị K đều vi phạm.

B. Anh T.

C. Chi K.

D. Không có chủ thể nào vi phạm.

Bài 12. QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC TÔN GIÁO

Câu 26. Biểu hiện nào dưới đây cho thấy các dân tộc sinh sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về chính trị?

- A. Các dân tộc tham gia thảo luận các vấn đề chung của đất nước
- B. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình.
- C. Các dân tộc được nhà nước tạo mọi điều kiện để phát triển kinh tế.
- D. Các dân tộc được giữ gìn, phát huy phong tục, tập quán của mình.

Câu 27. Tất cả các dân tộc sinh sống trên đất nước Việt Nam được Đảng, Nhà nước tạo mọi điều kiện để mỗi dân tộc gìn giữ, phát huy và phát triển bản sắc văn hoá của dân tộc mình - đó là biểu hiện của quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên phương diện nào?

- A. An ninh.
- B. Chính trị.
- C. Văn hóa.
- D. Quốc phòng.

Câu 28. Biểu hiện nào dưới đây cho thấy các dân tộc sinh sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về văn hóa?

- A. Các dân tộc có quyền làm chủ đất nước, tham gia quản lí xã hội.
- B. Các dân tộc đều có cơ hội học tập và bình đẳng trong giáo dục.
- C. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình.
- D. Các dân tộc được tạo cơ hội, điều kiện để phát triển kinh tế.

Câu 29. Anh M và anh S thuộc các dân tộc khác nhau cùng sống trên địa bàn một huyện vùng cao. Anh M làm việc tại Ủy ban nhân dân huyện còn anh S thực hiện dự án chăn nuôi theo mô hình nông nghiệp sạch. Trong thời gian giữ chức danh Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, anh M đã đóng góp nhiều ý kiến để nâng cao hiệu quả sử dụng đất ở địa phương. Cùng thời điểm đó, do có uy tín, anh S được giới thiệu và trúng cử vào Hội đồng nhân dân xã. Các chủ thể trong trường hợp đã được hưởng bình đẳng giữa các dân tộc về lĩnh vực chính trị thông qua quyền nào?

- A. Tham gia vào bộ máy nhà nước.
- B. Thay đổi các chính sách xã hội.
- C. Thay đổi cơ cấu ngành kinh tế
- D. Tham gia sửa đổi Luật đất đai.

Câu 30. Việc Nhà nước ta quy định tỷ lệ thích hợp người dân tộc thiểu số trong các cơ quan quyền lực Nhà nước là thể hiện quyền bình đẳng về

- A. chính trị.
- B. kinh tế.
- C. văn hóa.
- D. giáo dục.

Câu 31. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc không bao gồm lĩnh vực nào?

- A. Xã hội.
- B. Chính trị.
- C. Kinh tế.
- D. Văn hóa.

Câu 32. Phát triển cơ sở hạ tầng vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng núi là thể hiện

- A. quyền bình đẳng giữa các vùng miền.
- B. quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
- C. quyền bình đẳng về kinh tế.
- D. quyền bình đẳng trong thực hiện công việc chung của Nhà nước.

Câu 33. Các dân tộc đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, tạo điều kiện phát triển mà không bị phân biệt đối xử là thể hiện quyền bình đẳng nào dưới đây?

- A. Bình đẳng giữa các dân tộc.
- B. Bình đẳng giữa các địa phương.
- C. Bình đẳng giữa các thành phần dân cư.
- D. Bình đẳng giữa các tầng lớp xã hội.

Câu 34. Một trong những nội dung về quyền bình đẳng giữa các dân tộc là

- A. truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc đều được phát huy.
- B. dân tộc ít người không nên duy trì văn hóa của dân tộc mình.
- C. mọi phong tục, tập quán của các dân tộc đều cần được duy trì.

D. chỉ duy trì văn hóa chung của dân tộc Việt Nam, không duy trì văn hóa riêng của mỗi dân tộc.

Câu 35. H và Q yêu nhau nhưng bị hai gia đình ngăn cản vì hai bên không cùng dân tộc. Trong trường hợp này, gia đình H và Q đã xâm phạm đến quyền nào dưới đây ?

A. Tự do cá nhân.

C. Bình đẳng giữa các dân tộc.

B. Tự do yêu đương.

D. Bình đẳng giữa các gia đình.

Bài 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG THAM GIA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ XÃ HỘI

Câu 36. Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước, đó là nội dung của quyền nào dưới đây?

A. Quyền của công dân về tiếp cận thông tin.

B. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.

C. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

D. Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.

Câu 37. Theo quy định của pháp luật, công dân thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội trong trường hợp nào sau đây?

A. Tham gia hoạt động thiện nguyện.

C. Đóng góp ý kiến vào dự thảo Luật.

B. Đăng kí tham gia nghĩa vụ quân sự.

D. Đăng kí tham gia hiến máu nhân đạo.

Câu 38. Hành động nào sau đây không phải là biểu hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân?

A. Đăng kí tham gia hiến máu nhân đạo.

B. Biểu quyết khi nhà nước trưng cầu dân ý.

C. Giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước.

D. Góp ý xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật.

Câu 39. Khi Hội đồng nhân dân xã X tổ chức buổi tọa đàm để nhân dân tham gia đóng góp ý kiến cho bản Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, anh M (25 tuổi) đã cùng mọi người tích cực phát biểu, trao đổi, đóng góp các ý kiến cho nội dung của bản Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Trên cơ sở đó, Hội đồng nhân dân xã X đã tập hợp các ý kiến của nhân dân và gửi lên cơ quan có thẩm quyền nhằm góp phần hoàn thiện bản Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Trong trường hợp trên, anh M đã thực hiện quyền của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội như thế nào?

A. Tham gia thảo luận những vấn đề liên quan đến đời sống ở cơ sở.

B. Khiếu nại những việc làm trái pháp luật của các cơ quan nhà nước.

C. Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

D. Tham gia biểu quyết khi nhà nước tiến hành trưng cầu dân ý.

Câu 40. Xã A tổ chức cuộc họp để lấy ý kiến của nhân dân về phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp kênh tiêu. Tham dự cuộc họp, anh T tham gia đóng góp ý kiến sôi nổi, đưa ra được nhiều ý kiến phù hợp với nguyện vọng của nhân dân và quy định của pháp luật. Trong trường hợp dưới đây, anh T đã thực hiện quyền của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội như thế nào?

A. Tham gia biểu quyết khi nhà nước tiến hành trưng cầu dân ý.

B. Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

C. Đóng góp ý kiến về những vấn đề liên quan đến đời sống ở cơ sở.

D. Khiếu nại những việc làm trái pháp luật của các cơ quan nhà nước.

Câu 41. Về phía cơ quan nhà nước, những hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội gây ra hậu quả như thế nào?

A. Vi phạm quyền tự do, dân chủ của công dân.

B. Bị xử phạt và phải bồi thường nếu gây thiệt hại.

C. Gây tổn thất về tinh thần, danh dự, uy tín của công dân.

D. Làm giảm lòng tin của công dân vào sự quản lý của Nhà nước.

Câu 42. Hành vi nào sau đây đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội?

A. Bà K tổ giác hành vi tham ô, tham nhũng của ông T là chủ tịch xã X.

B. Trưởng thôn V tự ý quyết định mức đóng góp xây dựng nhà văn hóa thôn.

C. Anh P tuyên truyền các quy định, chủ trương của xã cho bà con trong thôn.

D. Chính quyền xã N triển khai đầy đủ các quyết định của cấp trên đến nhân dân.

Câu 43. Mọi hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội, xâm hại đến các quan hệ quản lý nhà nước và xã hội đều

A. bị phạt cải tạo không giam giữ.

C. phải bồi thường thiệt hại.

B. phải chịu trách nhiệm pháp lý.

D. bị phạt tù chung thân.

Câu 44. Theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã phải công khai báo cáo tình hình thực hiện ngân sách một cách minh bạch, rõ ràng cho nhân dân được biết, theo dõi và giám sát. Tuy nhiên, khi người dân xã X yêu cầu được cung cấp thông tin về vấn đề này, ông T (là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X) lại không thực hiện việc công khai báo cáo tình hình thực hiện ngân sách xã. Hành vi của ông T trong trường hợp này đã vi phạm quy định pháp luật về quyền nào của công dân?

A. Tự do ngôn luận và tiếp cận thông tin.

B. Được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín.

C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự.

D. Tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

Câu 45. Tham gia thảo luận và biểu quyết vấn đề trọng đại khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân là việc tham gia quản lý nhà nước và xã hội ở

A. phạm vi cơ sở.

C. phạm vi địa phương.

B. phạm vi cả nước.

D. phạm vi địa phương và cơ sở.

Câu 46. Tham gia bàn và quyết định về hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố là việc tham gia quản lý nhà nước và xã hội ở

A. phạm vi cơ sở.

C. phạm vi địa phương.

B. phạm vi cả nước.

D. phạm vi địa phương và cơ sở.

Câu 47. Ở phạm vi cơ sở, chủ trương và mức đóng góp xây dựng các công trình phúc lợi công cộng là

A. những nội dung phải được công khai để nhân dân biết.

B. những nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp.

C. những nội dung nhân dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã phùng quyết định.

D. những nội dung nhân dân ở xã, phùng giám sát kiểm tra.

Câu 48. Ở phạm vi cơ sở, dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của cấp xã là

A. những nội dung phải được công khai để nhân dân biết.

B. những nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp.

C. những nội dung nhân dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phùng quyết định.

D. những nội dung nhân dân ở xã, phùng giám sát kiểm tra.

Câu 49. Nhận định nào dưới đây là sai?

A. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội là quyền dân chủ cơ bản của công dân.

B. Ở phạm vi cả nước, nhân dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội bằng cách đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật.

C. Ở phạm vi cả nước, nhân dân tham gia giám sát các hoạt động của chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

D. Ở phạm vi cả nước, nhân dân tham gia thảo luận và biểu quyết vấn đề trọng đại khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân

Câu 50. Trường hợp nào dưới đây vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội?

A. Người dân xã B đã tổ chức cuộc họp biểu quyết công khai về việc xây dựng nhà văn hóa.

B. Ông P (chủ tịch xã) chỉ đạo chị V (cán bộ văn thư) không gửi giấy mời cho anh T (Trưởng thôn) tham dự cuộc họp triển khai xây dựng đường liên xã đi qua thôn của anh T.

C. Bác H tham gia đóng góp ý kiến xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng.

D. Trong Hội nghị tổng kết cuối năm, một số người dân xã X đã yêu cầu kế toán xã X giải trình về các khoản thu - chi các loại quỹ lệ phí.

BÀI 14. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ BẦU CỬ VÀ ỨNG CỬ

Câu 51: Khi đang giúp chồng bỏ phiếu bầu cử theo đề xuất của anh thì chị A phát hiện anh G có hành vi gian lận phiếu bầu, chị A đã kể cho bạn thân là anh H và anh T nghe, vốn mâu thuẫn với anh G nên anh H lập tức đăng tin đồn thất thiệt bôi nhọ anh G trên trang tin cá nhân, còn anh T nhắn tin tố cáo anh G. Những ai dưới đây vi phạm nguyên tắc bầu cử?

A. Anh G, vợ chồng chị A.

C. Vợ chồng chị A, anh G, anh H và anh T.

B. Anh G, chị A, anh H và anh T.

D. Vợ chồng chị A, anh H và anh T.

Câu 52: Đến ngày bầu cử nhưng lại diễn ra vào đúng ngày các bạn H, N, M đi học thêm môn Toán nên ba bạn đã bàn nhau cùng đến điểm bầu cử và để H ở ngoài trông xe, N và M nhận và viết phiếu bầu cho nhanh. Khi vào trong thấy đông người, sợ muộn học N đã nhờ ông T bỏ phiếu vào thùng giúp cả nhóm. nhưng ông T (tổ trưởng tổ bầu cử) không đồng ý. Nhân lúc không ai để ý, N đã chuyển tất cả phiếu bầu cho anh G (cử tri) đứng trên bỏ giúp vào hòm phiếu. Những ai dưới đây đã vi phạm nguyên tắc bầu cử trực tiếp?

A. Ông T, anh G và N.

C. N, H, M và anh G.

B. N, H, G và ông T.

D. Anh G, ông T và N.

Câu 53: Anh A nhờ con trai thay mình đi bỏ phiếu bầu cử nhưng con trai anh đã từ chối. Con trai anh A không vi phạm nguyên tắc bầu cử nào dưới đây?

A. Phổ thông.

C. Bình đẳng.

B. Trực tiếp.

D. Bỏ phiếu kín.

Câu 54. Quyền ứng cử là quy định của pháp luật về việc

A. công dân có đủ điều kiện thể hiện nguyện vọng của mình được ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

B. công dân có đủ điều kiện thể hiện nguyện vọng của mình được ứng cử đại biểu Quốc hội.

C. công dân có đủ điều kiện thể hiện nguyện vọng của mình được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

D. Công dân tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử Hội đồng nhân dân.

Câu 55. Nguyên tắc bầu cử là

A. trực tiếp, công bằng, bình đẳng và bỏ phiếu kín .

B. phổ thông, bình đẳng, dân chủ và bỏ phiếu kín.

C. phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

D. phổ thông, bình đẳng, dân chủ và bỏ phiếu kín.

Câu 56. Tính đến ngày bầu cử được công bố, công dân Việt Nam bao nhiêu tuổi trở lên có quyền bầu cử, quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp?

A. Công dân 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử, 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử.

B. Công dân đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử, đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử.

C. Công dân 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử, vừa có quyền ứng cử.

D. Công dân 21 tuổi trở lên có quyền bầu cử, vừa có quyền ứng cử.

Câu 57. Quyền bầu cử và quyền ứng cử là quyền dân chủ cơ bản của công dân thể hiện trong lĩnh vực nào?

- A. Kinh tế.
- B. Văn hóa.
- C. Chính trị.
- D. Văn hóa- xã hội.

Câu 58. Vì lý do sức khỏe, những người ốm đau không thể tự mình đi bỏ phiếu bầu cử thì

- A. nhờ bất kỳ ai đi bỏ phiếu hộ là được.
- B. bầu thông qua cách gửi thư qua bưu điện.
- C. tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến tận nơi để người ốm nhận phiếu bầu và trực tiếp bỏ phiếu.
- D. nhờ người thân trong gia đình đi bỏ phiếu hộ.

Câu 59. Là thành viên của Tổ bầu cử, ông V được phân công nhiệm vụ phát thẻ cử tri cho nhân dân. Khi đến nhà anh T, ông V chỉ phát thẻ cử tri cho anh T và chị D (vợ anh T) mà không phát cho bà M (mẹ anh T). Sau khi nhận được thắc mắc ông V giải thích: Bà M không biết chữ nên ông V không ghi tên bà M vào danh sách cử tri của xã. Trong trường hợp, những chủ thể nào không vi phạm quy định pháp luật về quyền bầu cử của công dân?

- A. Anh T, chị D và bà M.
- B. Chị D, anh T và ông V.
- C. Ông V, bà M và chị D.
- D. Anh T, bà M và ông V.

Câu 60. Theo quy định của pháp luật, mỗi cử tri đều được tự viết phiếu và bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu là thể hiện nguyên tắc bầu cử nào sau đây?

- A. Phổ thông.
- B. Gián tiếp.
- C. Trực tiếp.
- D. Đại diện.

Câu 62. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng nghĩa vụ của công dân khi tham gia bầu cử, ứng cử?

- A. Không lợi dụng quyền bầu cử, ứng cử để xâm phạm lợi ích của Nhà nước.
- B. Tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật về bầu cử và ứng cử.
- C. Chỉ tham gia bầu cử khi được hưởng lợi ích vật chất từ ứng cử viên.
- D. Tôn trọng quyền của người khác về bầu cử và ứng cử.

Câu 63. Tại thời điểm bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, công dân vi phạm nguyên tắc bầu cử trong trường hợp nào sau đây?

- A. Kiểm tra niêm phong hòm phiếu.
- B. Giám sát hoạt động bầu cử.
- C. Bỏ phiếu thay cử tri vắng mặt.
- D. Nghiên cứu lí lịch ứng cử viên.

Câu 64. Theo quy định của pháp luật, công dân vi phạm nguyên tắc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Tìm hiểu danh sách các ứng cử viên.
- B. Giám sát quy trình niêm phong hòm phiếu.
- C. Tham khảo lí lịch trích ngang của đại biểu.
- D. Sao chép nội dung phiếu bầu của người khác.

Câu 65. Chủ thể nào dưới đây thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử?

- A. Anh A tự ý viết và bỏ phiếu bầu cử thay cho người thân.
- B. Anh V (đủ 21 tuổi) tự ứng cử đại biểu HĐND để ra sức giúp ích cho địa phương.
- C. Bà Q vận động mọi người bỏ phiếu bầu cho chồng mình và hứa sẽ tặng quà cảm ơn.
- D. Ông P yêu cầu người thân không bỏ phiếu bầu cử cho người có mâu thuẫn với mình.

BÀI 15. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ KHIẾU NẠI VÀ TỐ TÁO

Câu 66. Quyền của công dân đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét lại các quyết định, việc làm của cán bộ công chức Nhà nước khi thực hiện công vụ được gọi là gì?

- A. Khiếu nại.
- B. Tố cáo.
- C. Thanh tra.
- D. Phản ánh.

Câu 67. Người khiếu nại được ủy quyền cho ai trong trường hợp ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tự mình khiếu nại?

- A. Cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột.
- B. Cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên.
- C. Cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên hoặc người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- D. Con đã thành niên hoặc người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

Câu 68. Theo quy định của pháp luật, công dân có thể thực hiện quyền khiếu nại trong trường hợp nào sau đây?

- A. Phát hiện tù nhân trốn trại.
- B. Chứng kiến bắt cóc con tin.
- C. Bị phân tử khủng bố đe dọa tính mạng.
- D. Nhận quyết định kỷ luật chưa thỏa đáng.

Câu 69. Công dân báo cho cơ quan có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức là thực hiện quyền

- A. truy cứu.
- B. tố cáo.
- C. khiếu nại.
- D. xét xử.

Câu 70. Theo quy định của pháp luật, công dân có thể thực hiện quyền tố cáo trong trường hợp nào sau đây?

- A. Phát hiện việc khai thác cát trái phép.
- B. Phải kê khai tài sản cá nhân.
- C. Bị truy thu thuế chưa thỏa đáng.
- D. nhận quyết định điều chuyển công tác.

Câu 71. Anh T là cán bộ địa chính – xây dựng của phường H đã nhận của bà Q (giám đốc doanh nghiệp tư nhân X đóng trên địa bàn phường H) số tiền 10 triệu đồng để không gây khó khăn cho việc cấp giấy chứng nhận cho bà. Biết được sự việc trên, chị M đã thu thập chứng cứ và đến cơ quan công an phường H để trình báo. Trong trường hợp chị M đã thực hiện quyền nào của công dân?

- A. Tố cáo.
- B. Truy tố.
- C. Khiếu nại.
- D. Khởi kiện.

Câu 72. Quyền của công dân về khiếu nại không bao gồm nội dung nào sau đây?

- A. Nhận thông tin về quá trình giải quyết khiếu nại bao gồm cả bí mật nhà nước.
- B. Tự mình khiếu nại hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện quyền khiếu nại.
- C. Khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm, được bồi thường thiệt hại.
- D. Đưa ra chứng cứ về việc khiếu nại và giải trình ý kiến của mình về chứng cứ đó.

Câu 73. Bà C được chính quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 100 m² đất nhưng sau khi tiến hành đo đạc, gia đình bà phát hiện diện tích đất thực tế không đủ 100 m² theo quy định. Do tuổi cao, sức yếu, bà C đã ủy quyền cho con gái làm đơn khiếu nại và thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến sự việc gửi đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị xem xét, giải quyết để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho mình. Trong trường hợp này, bà C đã thực hiện quyền khiếu nại của công dân như thế nào?

- A. Rự mình tiến hành khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân.
- B. Ủy quyền cho người khác khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.
- C. Khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính
- D. Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm, được bồi thường thiệt hại.

Câu 74. Ông A không đồng ý với quyết định thu hồi lô hàng hoá do vi phạm về chất lượng của chi cục quản lý thị trường X. Ông A đã làm đơn gửi đến cơ quan có thẩm quyền, đề nghị họ xem xét lại sự việc. Trong thời gian chờ đợi giải quyết, ông A đã yêu cầu áp dụng các biện pháp để tránh hư hỏng lô hàng hoá của mình. Trong trường hợp, ông A đã thực hiện quyền nào của công dân?

- A. Khiếu nại.
- B. Tố cáo.
- C. Tranh tụng.
- D. Khởi tố.

Câu 75. Gia đình ông P ở gần xưởng sản xuất của một doanh nghiệp hoạt động suốt ngày đêm khiến cơ sở thường xuyên xả bụi, khói, phát tán mùi hôi thối, ô nhiễm rất nghiêm trọng ra khu dân cư làm cho nhiều người không chịu được và mắc bệnh. Ông P làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã và cảnh sát môi trường để yêu cầu xử lý hành vi vi phạm của doanh nghiệp. Trong trường hợp, ông P đã thực hiện quyền nào của công dân?

- A. Tố cáo.
- B. Truy tố.

- C. Khiếu nại.
- D. Khởi kiện.

Câu 76. Hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm trong quá trình thực hiện quyền khiếu nại, quyền tố cáo?

- A. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo.
- B. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khiếu nại, tố cáo.
- C. Lợi dụng khiếu nại, tố cáo để xâm hại đến quyền của chủ thể khác.
- D. Tuân thủ pháp luật, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

Câu 77. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng hậu quả của những hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo?

- A. Mọi chủ thể có hành vi vi phạm đều phải bồi thường và bị kết án tù.
- B. Có thể làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng, danh dự của công dân.
- C. Ảnh hưởng đến tính tôn nghiêm của pháp luật và trật tự quản lý nhà nước.
- D. Có thể gây tình trạng mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Câu 78. Do có mâu thuẫn với ông A (Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N), bà D và ông T đã làm đơn tố cáo với nội dung sai sự thật và chia sẻ thông tin này đến nhiều người nhằm hạ uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông A. Qua kiểm tra, xác minh, cơ quan có thẩm quyền xác định nội dung tố cáo là sai sự thật. Nhận thấy sự việc có dấu hiệu tội phạm, cơ quan có thẩm quyền chuyển hồ sơ đến cơ quan tố tụng hình sự. Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, mặc dù được minh oan nhưng danh dự, uy tín của ông A đã bị ảnh hưởng. Trong trường hợp này, những ai vi phạm quyền tố cáo của công dân?

- A. Ông A và bà D.
- B. Ông T và bà D.

- C. Cơ quan điều tra tỉnh N.
- D. Tất cả các chủ thể đều vi phạm.

Câu 79. Gần đây, Trung tâm Ngoại ngữ X bị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh H ra quyết định thu hồi giấy phép hoạt động vì không hoạt động đúng địa điểm cấp phép và không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Trung tâm Ngoại ngữ X không đồng ý với quyết định thu hồi giấy phép nên đã làm đơn khiếu nại gửi đến Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh H đề nghị xem xét lại. Tuy nhiên, sau khi tìm hiểu kỹ, Trung tâm Ngoại ngữ X nhận thấy quyết định đó là có căn cứ và đúng với các quy định của pháp luật nên đã rút đơn khiếu nại. Trong trường hợp trên, Trung tâm ngoại ngữ X đã thực hiện quyền khiếu nại như thế nào?

- A. Ủy quyền cho luật sư khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.
- B. Rút đơn khiếu nại khi nhận thấy quyết định thu hồi giấy phép là đúng pháp luật.
- C. Khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính
- D. Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm, được bồi thường thiệt hại.

Câu 80. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng quyền tố cáo của công dân?

- A. Được nhận thông báo về việc thụ lý hoặc không thụ lý tố cáo.
- B. Được công khai họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác.
- C. Được khen thưởng hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.
- D. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo.

.....HẾT.....